

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23-02-2024  
V/v không công nhận  
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Cơ

Bà Nguyễn Hồng Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 11-01-2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-01-2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Long R, sinh năm 1976; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-01-2024, biên bản lấy lời khai ngày 11-01-2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 30-01-2024, nguyên đơn Ông Huỳnh Long R trình bày vào năm 1997 ông và Bà Nguyễn Thị M chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông và Bà M có những mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đã sống ly thân. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và Bà M. Thời gian chung sống giữa ông và Bà M có hai con chung tên Huỳnh N (sinh năm 1998)

và Huỳnh T (sinh năm 2000) đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì ông và Bà M không có, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12-01-2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 30-01-2024, bị đơn Bà Nguyễn Thị M trình bày năm 1997 bà và Ông Huỳnh Long R chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do Ông R có người phụ nữ khác. Nay Ông R yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông R với bà thì bà cũng đồng ý. Thời gian chung sống giữa bà và Ông R có hai con chung tên Huỳnh N (sinh năm 1998) và Huỳnh T (sinh năm 2000) đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên bà cũng không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung giữa bà và Ông R không có, nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Ông R và Bà M vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông R và Bà M; các con chung đã đủ tuổi thành niên không có yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Ông R là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn Bà M cư trú Ấp A, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Ông R và Bà M vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông R và Bà M đều trình bày ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T không có thông tin kết hôn của Bà Nguyễn Thị M; Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng xác nhận qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M từ năm 1997 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của Ông Huỳnh Long R và Bà Nguyễn Thị M. Xét thấy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa Ông R và Bà M từ năm 1997 đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Vì vậy, Ông R yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và Bà M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông R và Bà M đều trình bày thời gian chung sống giữa ông, bà có hai con chung tên Huỳnh N (sinh năm 1998) và Huỳnh T (sinh năm 2000) đều đã thành niên và có cuộc sống riêng nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông R và Bà M đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Ông R phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Huỳnh Long R về không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Huỳnh Long R và Bà Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Ông Huỳnh Long R và Bà Nguyễn Thị M đều trình bày ông bà có hai con chung tên Huỳnh N (sinh năm 1998) và Huỳnh T (sinh năm 2000) đều đã thành niên và có cuộc sống riêng nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Long R và Bà Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Ông Huỳnh Long R phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000167 ngày 08-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Nhân**